

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 27/5/2024.

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh

Các hội thẩm nhân dân: + Bà Lại Thị Thu Hà

+ Ông K'Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2023/TLST-DS ngày 23/11/2023 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H ủy quyền cho bà Bùi Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/10/2023 và ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/5/2024.

Bị đơn: Bà Dương Thị Đ, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H, ông G, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H là bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Hoàng G trình bày: vào ngày 09/01/2023 bà Đ có vay của bà H số tiền 40.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, hẹn hai tháng bà Đ sẽ trả tiền vay cho bà H, bà Đ đã trả tiền trước cho bà H được hai tháng (từ ngày 09/01/2023 đến ngày 09/3/2023) với số tiền là 1.600.000đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền hai tháng viết tay ngày 09/01/2023 có chữ ký xác nhận của bà Đ. Đến nay đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà Đ không trả tiền cho bà H mặc dù bà H đã đòi rất nhiều lần nên bà H làm đơn khởi kiện buộc bà Đ phải trả cho bà H số tiền là 40.000.000đồng và lãi suất là 1.66%/tháng từ ngày 10/3/2023 cho đến khi vụ án giải quyết xong. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Dương Thị Đ trình bày: bà có vay của bà Nguyễn Thị Hòe và ông Thạch Văn Nam số tiền 60.000.000đồng sau đó bà đã trả được 20.000.000đồng bà còn nợ lại bà H 40.000.000đồng. Ngày 09/01/2023 bà H xây nhà nói thiếu tiền nên yêu cầu bà Đ trả số tiền trên cho bà H nhưng do bà Đ chưa có tiền nên bà H đưa bà Đ đến nhà bà Đỗ Thị H để vay bà H trả cho bà H số tiền trên. Lúc đầu bà H đồng ý cho bà vay và yêu cầu bà viết giấy nhận nợ, sau khi bà viết giấy nhận nợ xong thì bà H đổi ý không cho bà vay số tiền trên nữa mà cho bà H vay tiền nên đã bỏ giấy vay nợ đó và yêu cầu bà H viết giấy ghi nợ với bà H số tiền 40.000.000đồng. Số tiền trên bà không nhận nên bà không có trách nhiệm trả cho bà H. Bà nhận nợ với bà H số tiền 40.000.000đồng bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 43.000.000đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Bùi Thị H trình bày: vào ngày 14/10/2022 vợ chồng bà có cho bà Đ vay số tiền là 60.000.000đồng, thời hạn trả nợ là ngày 14/12/2022, nếu đến hạn trả nợ mà bà Đ không trả được nợ thì bà Đ phải chịu lãi suất là 1.5%/Tháng. Hai bên có viết giấy vay tiền sau

đó bà Đ chuyển trả cho bà được 20.000.000đồng còn lại nợ vợ chồng bà 40.000.000đồng. Sau đó vợ chồng bà xây nhà nên vợ chồng bà đòi bà Đ số tiền 40.000.000đồng nhưng do bà Đ chưa có tiền trả nên bà Đ có nhờ bà đưa bà Đ đến nhà bà Đỗ Thị H để vay số tiền 40.000.000đồng để trả cho bà và bà Đ hứa sau hai tháng sẽ trả cho bà H số tiền 40.000.000đồng nên bà H có chuyển cho con trai của bà H số tiền 40.000.000đồng, sau khi nhận tiền bà Đ ký vào giấy vay tiền với bà H và có sự chứng kiến của bà H. Do đó, từ ngày 09/01/2023 bà Đ không còn vay bà H số tiền 40.000.000đồng mà vay bà H số tiền 40.000.000đồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ vắng mặt nên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ngày 13/5/2024; ngày 20/5/2024 và ngày 27/5/2024 bà Bùi Thị H, bà Dương Thị Đ và ông Nguyễn Hoàng G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bà Dương Thị Đ. Buộc bà Dương Thị Đ phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền nợ gốc là 40.000.000đồng và lãi suất là 1.66% từ ngày 10/3/2023. Về án phí: Bà Dương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối nghĩa vụ tài sản phải trả cho bà Đỗ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Hoàng G và bị đơn bà Dương Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Hoàng G và bị đơn bà Dương Thị Đ

theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: xuất phát từ việc bà Đỗ Thị H cho rằng bà có cho bà Dương Thị Đ vay số tiền là 40.000.000đồng, khi vay bà Đ có viết giấy vay tiền hai tháng và thỏa thuận lãi suất với bà H. Đến hạn trả nợ bà Đ không trả dứt điểm được nợ vay mà mới chỉ trả được một phần tiền lãi nên bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả cho bà số nợ gốc là 40.000.000đồng và tiền lãi suất nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua xem xét lời khai của các đương sự, đối chiếu với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Việc bà Dương Thị Đ có lập giấy vay tiền hai tháng với bà Đỗ Thị H là có xảy ra trên thực tế theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền hai tháng lập ngày 09/01/2023 thể hiện nội dung: “...hôm nay ngày 9/1/2023 cô giáo Dương Thị Đ SCCD: 036186078344 giáo viên THCS trường xã Đ vay của bà Đỗ Thị H bốn mươi triệu lãi suất 2% (trả lãi trước hai tháng) đến 9/3/2023 1 triệu sáu trăm ngàn đồng” có chữ ký của bà Đ. Đồng thời, bà Dương Thị Đ cũng thừa nhận ngày 09/01/2023 bà H có xây nhà thiếu tiền yêu cầu bà trả số tiền 40.000.000đồng do trước đó bà vay số tiền này của bà H nhưng bà chưa có tiền trả nên bà H có dẫn bà đến nhà bà Đỗ Thị H để vay trả cho bà H số tiền trên, bà có ký vào giấy vay tiền với bà H nhưng bà không nhận tiền từ bà H nên bà không đồng ý trả nợ cho bà H mà bà có trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 43.000.000đồng cả lãi. Bà Đỗ Thị H cũng xác nhận ngày 09/01/2023 bà H có cho bà Đ vay số tiền 40.000.000đồng và bà Dương Thị Đ có ký vào giấy vay tiền ngày 09/01/2023 khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thời hạn vay hai tháng đến ngày 09/3/2023 trả lại tiền gốc đồng thời có sự chứng kiến của bà H. Bà Bùi Thị H cũng thừa nhận ngày 14/10/2022 bà có cho bà Đ vay số tiền 60.000.000đồng, bà Đ đã trả được cho bà 20.000.000đồng còn lại 40.000.000đồng sau đó bà đưa bà Đ đến gặp bà H để bà Đ vay tiền của bà H trả cho bà và bà H đã đồng ý cho bà Đ vay số tiền 40.000.000đồng và bà H đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của con trả bà H, bà H đã nhận số tiền này và xác nhận bà Đ không còn nợ bà nữa.

Qua ý kiến của các đương sự thì Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà H và bà Đ có ký giấy vay tiền hai tháng 09/01/2023 là có xảy ra trên thực và phù hợp với lời khai của các bên đương sự và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, bà Đ cho rằng bà có ký giấy vay tiền với bà H nhưng bà không nhận tiền từ bà H. Mặc dù, trong giấy vay tiền không thể hiện rõ việc bà Đ vay tiền để trả cho bà H tuy nhiên, cả bà H, bà H và bà Đ cùng xác định việc bà Đ vay tiền của bà H là để trả cho bà H. Sau khi bà Đ ký vào giấy nhận nợ thì bà H chuyển tiền cho bà H qua tài khoản của con trai bà H nên không có việc giao nhận tiền giữa bà H và bà Đ và bà Đ sang bà H. Đồng thời, bà H cũng xác nhận từ ngày 09/01/2023 bà Đ không còn nợ bà H nữa. Sau khi ký giấy nhận nợ với bà H, đến hạn trả nợ bà Đ chưa có tiền trả cho bà H nên bà H khởi kiện. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H, buộc bà Dương Thị Đ phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền gốc là 40.000.000đồng.

Đối với yêu cầu về lãi suất, trong giấy vay tiền lập ngày 09/01/2023 có thể hiện “Lãi suất 2% trả lãi trước 2 tháng 1 triệu sáu trăm ngàn đồng” do đó cần xác định khoản vay này là khoản vay có lãi. Tuy nhiên, đến nay nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất là 1.66% là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định như trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H, buộc bà Dương Thị Đ phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền gốc là 40.000.000đồng và lãi suất là phù hợp cụ thể tiền lãi như sau: $(40.000.000\text{đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng}) + (40.000.000\text{đồng} \times 1.66\%/\text{tháng}/30 \times 17 \text{ ngày}) = 9.296.000\text{đồng} + 376.000\text{đồng} = 9.672.000\text{đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 49.672.000đồng.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Dương Thị Đ phải chịu 2.483.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn $(49.672.000\text{đồng} \times 5\%)$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; ; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Dương Thị Đ.

Buộc bà Dương Thị Đ phải trả cho bà Đỗ Thị H số nợ gốc là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và lãi suất là 9.672.000đồng (*Chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*). Cộng chung là 49.672.000đồng (*Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Đ phải chịu 2.483.000đồng (*Hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị H thuộc trường hợp “*người cao tuổi*” theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên bà Đỗ Thị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sơn Linh